

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hoàng Nữ Hảo Tâm và ông Võ Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số Q đường TĐT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2021 về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn M, xã P (trước đây là xã V), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: anh Tran D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số A Danbury Ct Sterling, VA 20X, USA (Hoa Kỳ), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy V cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Tran D quen biết nhau thông qua sự giới thiệu của họ hàng và người quen. Sau một thời gian tìm hiểu thì chị và anh Tran D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P vào ngày 14/10/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc ở Việt Nam khoảng một tháng thì anh Tran D trở lại Hoa Kỳ để tiếp tục công việc, còn chị V vẫn ở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý cũng như quan điểm sống không hòa hợp nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng. Nay chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh Tran D không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị V trình bày chị và anh Tran D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị V trình bày chị và anh Tran D không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tran D: ngày 16/8/2021, anh Tran D có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc ly hôn giữa anh với chị V như sau: Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị V. Về con chung, vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tình hình dịch bệnh không thể về Việt Nam nên anh xin vắng mặt trong các phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, cam đoan không có khiếu nại, khiếu kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy V và bị đơn anh Tran D thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; việc anh Tran D vắng mặt tại phiên tòa là do trở ngại khách quan của dịch bệnh Covid-19, đồng thời cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy V, cho chị V được ly hôn với anh Tran D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Tran D có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành xét xử vắng mặt anh Tran D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Tran D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14 tháng 10 năm 2016. Sau khi kết hôn, hai người sống chung với nhau trong thời gian ngắn thì anh Tran D trở về Hoa Kỳ cho đến nay.

Từ khi anh Tran D về Hoa Kỳ thì hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm sống. Do vợ chồng ở xa nhau, không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau, ít liên lạc nên tình cảm phai nhạt dần. Nay tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tran D và anh Tran D cũng đồng ý với yêu cầu của chị V.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh Tran D không còn, điều kiện để hai bên đoàn tụ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là không thể thực hiện được; tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng và không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh Tran D là phù hợp với pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị V và anh Tran D đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn với anh Tran D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị V và anh Tran D đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số: AA/2011/005693 ngày 05/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế), chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thúy V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tran D đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Tổ hành chính - tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú